

**BỘ TÀI CHÍNH  
CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206/CT-NVT  
V/v triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế và sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức trong giao dịch thuế điện tử

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

ĐẾN TRƯỚC:  
HOÀ-TỐC

Kính gửi:

- Các Chi cục Thuế khu vực;
- Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn;
- Chi cục Thuế Thương mại điện tử.

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 35 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử, Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế, nhằm triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế cá nhân và sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức trong giao dịch thuế điện tử từ ngày 01/7/2025, Cục Thuế hướng dẫn triển khai một số nội dung như sau:

**1. Về sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế**

Từ ngày 01/7/2025, số định danh cá nhân cấp theo Luật Căn cước sẽ sử dụng thay cho mã số thuế của cá nhân là người Việt Nam, đồng thời, số định danh cá nhân của người đại diện hộ gia đình, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cũng được sử dụng thay cho mã số thuế của hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đó.

(Chi tiết một số nội dung hướng dẫn theo Phụ lục 1 đính kèm).

**2. Về sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức trong giao dịch thuế điện tử**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì tài khoản được tạo lập bởi Công dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được sử dụng đến hết ngày 30/6/2025. Theo đó:

a) Từ ngày 01/7/2025, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng tài khoản định danh điện tử do Bộ Công an cấp trong thực hiện thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử.

b) Trường hợp đến ngày 01/7/2025, người nộp thuế đang làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử nhưng chưa được Bộ Công an cấp, hoặc cá nhân là người nước ngoài, tổ chức có đại diện pháp luật là người nước ngoài chưa được

cấp tài khoản định danh điện tử do phụ thuộc vào tiến độ triển khai của Bộ Công an, người nộp thuế tiếp tục thực hiện nghĩa vụ với NSNN thông qua tài khoản thuế điện tử nếu đáp ứng quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Giao dịch điện tử cho đến khi được cấp tài khoản định danh điện tử theo lộ trình triển khai của Bộ Công an.

c) Người nộp thuế không thuộc đối tượng cấp tài khoản định danh điện tử theo quy định tại Nghị định số 69/2024/NĐ-CP vẫn thực hiện giao dịch thuế bằng phương thức điện tử theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Giao dịch điện tử, Thông tư số 19/2021/TT-BTC và Thông tư số 46/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính.

(Chi tiết một số nội dung hướng dẫn theo Phụ lục 1 và Biểu kết quả rà soát của các Chi cục Thuế theo Phụ lục 2 đính kèm).

### 3. Các công việc cần triển khai

3.1. Giao Ban Chuyên đổi số chủ trì, phối hợp với Ban Nghiệp vụ thuế và các đơn vị khác có liên quan để nâng cấp ứng dụng, đáp ứng yêu cầu, triển khai thực hiện theo các quy định nêu trên.

3.2. Giao Ban Nghiệp vụ thuế tham mưu với Cục Thuế có công văn gửi các cơ quan, đơn vị phối hợp thu NSNN, kết nối trao đổi thông tin với cơ quan thuế để phối hợp triển khai việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế từ ngày 01/7/2025; công văn gửi C06 (Bộ Công an) về việc sử dụng tài khoản định danh điện tử trong thực hiện thủ tục hành chính thuế điện tử.

3.3. Giao Ban Pháp chế tiếp tục phối hợp với Văn phòng, Ban Quản lý tuân thủ, Ban Nghiệp vụ thuế và các đơn vị khác có liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế trong việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế, sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức trong giao dịch thuế điện tử từ ngày 01/7/2025.

### 3.4. Đối với các Chi cục Thuế

Để đảm bảo việc triển khai hiệu quả, đề nghị các Chi cục Thuế:

a) Đẩy nhanh tiến độ rà soát, chuẩn hóa thông tin đăng ký thuế của cá nhân, phục vụ chuyển đổi mã số thuế đã cấp sang sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế từ ngày 01/7/2025 theo hướng dẫn tại các công văn của Cục Thuế (Công văn số 846/TCT-DNNCN ngày 21/3/2023, công văn số 6059/TCT-DNNCN ngày 29/12/2023, công văn số 1710/CT-NVT ngày 12/6/2025); tiếp tục rà soát, chuẩn hóa thông tin của các mã số thuế đã được cập nhật sang trạng thái 10 “Mã số thuế chờ cập nhật thông tin số định danh cá nhân” sau ngày 01/7/2025.

b) Đẩy nhanh tiến độ rà soát, chuẩn hóa thông tin người đứng đầu/doanh nghiệp đăng ký thuế, phục vụ xác thực với Bộ Công an để cấp định danh tổ chức theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP theo hướng dẫn tại các công văn của Cục

Thuế (công văn số 4735/TCT-KK ngày 22/10/2024, công văn số 411/TCT-KK ngày 23/01/2025, công văn số 1710/CT-NVT ngày 12/6/2025).

c) Xây dựng kế hoạch truyền thông, tổ chức tập huấn cho công chức thuế và người nộp thuế trong việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế, sử dụng tài khoản định danh của tổ chức trong giao dịch thuế điện tử từ ngày 01/7/2025, đảm bảo quá trình thực hiện thủ tục thuế của người nộp thuế không bị gián đoạn sau khi chuyển đổi.

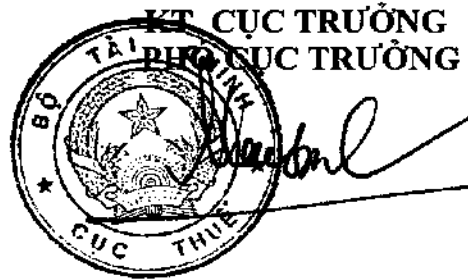
d) Thường xuyên rà soát, báo cáo vướng mắc trong quá trình thực hiện, gửi về Cục Thuế (qua Ban Nghiệp vụ thuế) để được hướng dẫn kịp thời.

Cục Thuế đề nghị các Chi cục Thuế chủ động tổ chức thực hiện các nội dung trên, đảm bảo việc chuyển đổi diễn ra đồng bộ, hiệu quả, đúng quy định pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đồng chí Cục trưởng (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thuế (để P/h chỉ đạo);
- Ban CDS, TTKT;
- Lưu: VT, NVT.

Hà



**Mai Sơn**

## Phụ lục 1

# HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ SỬ DỤNG SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN THAY CHO MÃ SỐ THUẾ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC TRONG GIAO DỊCH THUẾ ĐIỆN TỬ (Kèm theo công văn số 206/CT-NVT ngày 26/06/2025 của Cục Thuế)

## I- Về sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế

### 1. Các nội dung hướng dẫn đối với người nộp thuế

1.1. Trường hợp người nộp thuế chưa được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025:

- Hộ kinh doanh thuộc diện đăng ký thuế cùng với đăng ký kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT.

- Cá nhân, đại diện hộ gia đình (trừ hộ kinh doanh nêu trên) thực hiện thủ tục đăng ký thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 86/2024/TT-BTC.

- Người nộp thuế phải kê khai chính xác 03 thông tin: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân đảm bảo khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hoặc được cơ quan thuế thông báo kết quả khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân.

1.2. Trường hợp người nộp thuế đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025:

a) Trường hợp thông tin đăng ký thuế đã khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

- Mã số thuế đã được cấp trước ngày 01/7/2025 được cơ quan thuế chuyển đổi sang số định danh cá nhân, không phát sinh thủ tục hành chính đối với người nộp thuế khi chuyển đổi.

- Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế bắt đầu từ ngày 01/7/2025, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế đã kê khai theo mã số thuế đã cấp trước đó.

- Cơ quan thuế theo dõi, quản lý toàn bộ dữ liệu của hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân, dữ liệu đăng ký giám trừ gia cảnh của người phụ thuộc bằng số định danh cá nhân.

b) Trường hợp thông tin đăng ký thuế không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

- Cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế sang trạng thái 10 “MST chờ cập nhật thông tin số định danh cá nhân”.

- Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 25 Thông tư số 86/2024/TT-BTC để đảm bảo thông tin khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thay đổi, hoặc được cơ quan thuế thông báo kết quả khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế đã kê khai theo mã số thuế đã cấp trước đó.

- Cơ quan thuế theo dõi, quản lý toàn bộ dữ liệu của hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân, dữ liệu đăng ký giảm trừ gia cảnh của người phụ thuộc bằng số định danh cá nhân.

c) Trường hợp cá nhân đã được cấp nhiều hơn 01 (một) mã số thuế:

- Cá nhân phải cập nhật thông tin số định danh cá nhân cho các mã số thuế đã được cấp để cơ quan thuế tích hợp các mã số thuế vào số định danh cá nhân, hợp nhất dữ liệu thuế của người nộp thuế theo số định danh cá nhân.

- Mã số thuế đã được cấp trước đây có thông tin đăng ký thuế khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cơ quan thuế chuyển đổi sang số định danh cá nhân, không phát sinh thủ tục hành chính đối với người nộp thuế khi chuyển đổi.

- Người nộp thuế được tra cứu các mã số thuế đã được cấp trước đây và nghĩa vụ thuế theo từng mã số thuế đã được cấp khi đăng nhập sử dụng dịch vụ thuế điện tử thông qua tài khoản định danh điện tử (VNEID) mức độ 2.

- Khi mã số thuế đã được tích hợp vào số định danh cá nhân thì các hóa đơn, chứng từ, hồ sơ thuế, giấy tờ có giá trị pháp lý khác đã lập trước đó có sử dụng thông tin mã số thuế của cá nhân được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính về thuế, chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ thuế mà không phải điều chỉnh thông tin mã số thuế trên hóa đơn, chứng từ, hồ sơ thuế đã lập sang số định danh cá nhân.

d) Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh

- Cơ quan thuế không cấp mã số thuế riêng cho các địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2025. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng duy nhất số định danh cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm mã số thuế để kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

- Mã số thuế đã được cấp cho địa điểm kinh doanh trước đây được cơ quan thuế chuyển đổi sang số định danh cá nhân, không phát sinh thủ tục hành chính đối với người nộp thuế khi chuyển đổi.

- Người nộp thuế được tra cứu nghĩa vụ thuế theo từng mã số thuế của địa điểm kinh doanh đã được cấp trước đây khi đăng nhập sử dụng dịch vụ thuế điện tử thông qua tài khoản định danh điện tử (VNEID) mức độ 2.

**Lưu ý:** Người nộp thuế tra cứu mã số thuế có thông tin không khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Mã số thuế có trạng thái 10 “Mã số thuế chờ cập nhật thông tin số định danh cá nhân”) theo một trong cách sau:

- Tra cứu trên Trang TTĐT Cục Thuế tại địa chỉ: <https://www.gdt.gov.vn>.
- Tra cứu trên Trang Thuế điện tử của Cục Thuế tại địa chỉ: [thuедientu.gdt.gov.vn](http://thuедientu.gdt.gov.vn).
- Tra cứu trên tài khoản giao dịch thuế điện tử của cá nhân tại ứng dụng icanhan hoặc eTaxMobile (nếu cá nhân đã được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế).

- Liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú để được hỗ trợ.

Ngoài ra, hiện nay cơ quan thuế đang thực hiện rà soát, chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân nên người nộp thuế cũng cần lưu ý các thông báo do cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế để nắm thông tin và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

### *1.3. Cách ghi số định danh cá nhân trong hồ sơ thuế*

Sau khi được sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế, người nộp thuế ghi số định danh cá nhân vào chỉ tiêu “Mã số thuế” trên tờ khai, chứng từ nộp thuế, hóa đơn, hồ sơ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, các hồ sơ, chứng từ, tài liệu khác có yêu cầu kê khai mã số thuế.

### *1.4. Lợi ích của việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế*

a) Đối với người dân, việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế:

*Thứ nhất*, sẽ làm giảm thủ tục hành chính cho người dân khi thực hiện thủ tục về đăng ký thuế, khai báo thông tin đăng ký thuế do chỉ cần khai chính xác 03 thông tin: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân đảm bảo khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và không phải nộp bản sao căn cước công dân cho cơ quan thuế.

*Thứ hai*, sẽ giúp người dân thuận tiện hơn trong việc thực hiện các thủ tục về thuế và các thủ tục với cơ quan nhà nước mà phải sử dụng mã số thuế do chỉ cần khai thông tin số định danh cá nhân mà không cần ghi nhớ mã số thuế riêng, đơn giản, thuận tiện trong việc kê khai, tra cứu và thực hiện nghĩa vụ thuế, các giao dịch thuế, kê khai, nộp thuế trở nên nhanh chóng hơn nhờ việc đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Đối với doanh nghiệp, việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế sẽ tiết kiệm thời gian thời gian nhập liệu, đối chiếu thông tin của cá nhân khi thực hiện đăng ký thuế theo ủy quyền, cũng như thuận tiện, đơn giản hơn

trong việc kê khai thuế TNCN, giúp doanh nghiệp thực hiện tốt hơn các trách nhiệm kê khai, nộp thuế TNCN cho người lao động.

*1.5. Để chuẩn bị cho việc triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế từ ngày 01/7/2025, cơ quan thuế đã và đang thực hiện tổng thể các giải pháp:*

a) Chủ động thực hiện và phối hợp với cơ quan công an, các cơ quan chính quyền địa phương thực hiện rà soát, chuẩn hóa mã số thuế cá nhân trong cơ sở dữ liệu thuế để đảm bảo khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi chuyển đổi sang sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.

b) Tổ chức tập huấn cho các cơ quan thuế địa phương và công chức thuế để thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế trong quá trình rà soát, chuẩn hóa mã số thuế và khi triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.

c) Nâng cấp các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của ngành thuế, đồng thời phối hợp với các bên liên quan (đăng ký kinh doanh, kho bạc, ngân hàng,...) nâng cấp hệ thống liên thông, trao đổi thông tin, đảm bảo triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế bắt đầu từ ngày 01/7/2025, không làm gián đoạn quá trình thực hiện thủ tục thuế của người nộp thuế khi chuyển đổi.

## **2. Các nội dung hướng dẫn đối với CQT**

### **2.1. Về quản lý NNT trong hệ thống TMS:**

Vẫn giữ mã số thuế do hệ thống tự sinh theo cấu trúc 10 số cho cá nhân và 13 số cho địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Tuy nhiên, đây chỉ là mã nội bộ để đảm bảo việc giao tiếp giữa các ứng dụng liên quan bị ảnh hưởng ít nhất, còn giao tiếp giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và các ứng dụng ngoài ngành sẽ sử dụng thêm trường mã số thuế là số định danh cá nhân.

### **2.2. Giải pháp chuyển đổi MST cá nhân đã cấp sang số định danh cá nhân:**

Trên cơ sở dữ liệu MST cá nhân đã có kết quả khớp đúng với Cơ sở dữ liệu dân cư, Hệ thống sẽ tự động cập nhật mã số thuế là số định danh cá nhân và truyền cho các hệ thống liên quan, đảm bảo sử dụng số định danh cá nhân làm MST cá nhân từ ngày 01/7/2025.

Đối với các MST cá nhân có kết quả chưa khớp đúng với Cơ sở dữ liệu dân cư, Hệ thống sẽ tự động cập nhật trạng thái MST là trạng thái 10 “MST cá nhân chờ cập nhật số định danh cá nhân” và truyền cho các hệ thống liên quan. Khi NNT thực hiện đăng nhập để thực hiện thủ tục thuế điện tử, Hệ thống sẽ thông báo cho NNT về việc MST có thông tin chưa khớp đúng và hướng dẫn NNT thực hiện cập nhật số định danh cá nhân cho MST trước khi thực hiện thủ tục.

2.3. Giải pháp khi bỏ cấp MST cho địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:

Hiện nay, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện kê khai thuế cho từng địa điểm kinh doanh theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC. Trên mẫu tờ khai này có trường thông tin tên và địa chỉ của “cửa hàng, cửa hiệu”. Hệ thống sẽ hỗ trợ NNT kê khai thông tin này theo gợi ý (nếu địa điểm kinh doanh đã kê khai trước đó, hiển thị danh sách địa điểm gồm thông tin: 3 số đuôi của mã nội bộ 13 số + thông tin địa chỉ để NNT chọn; trường hợp địa điểm kinh doanh mới thì NNT điền thông tin địa chỉ lần đầu và hệ thống cập nhật hỗ trợ hiển thị cho các lần khai thuế tiếp theo). Cách này cũng áp dụng cho các thủ tục hành chính khác của địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh.

Với giải pháp nêu trên đã đáp ứng được nghiệp vụ cá nhân, hộ kinh doanh dùng số định danh cá nhân khai thuế, nộp thuế riêng cho từng địa điểm kinh doanh (bao gồm cả trường hợp khai nộp qua Cổng thương mại điện tử đã được cấp MST 13 số đuôi 888) theo quy định của pháp luật quản lý thuế hiện hành.

2.4. Giải pháp đối với cá nhân đã được cấp nhiều MST:

Hệ thống sẽ liên kết các MST bằng số định danh cá nhân, trên cơ sở đó thực hiện bù trừ nghĩa vụ thuế theo số định danh cá nhân, tổng hợp quyết toán thuế TNCN trên toàn quốc theo số định danh cá nhân duy nhất. Thông tin về các MST và nghĩa vụ thuế đã phát sinh theo từng mã số thuế sẽ được cung cấp tại tài khoản thuế điện tử của cá nhân để thuận tiện cho NNT tra cứu lịch sử và thực hiện nghĩa vụ thuế.

## **II - Về sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức trong giao dịch thuế điện tử**

1. Người nộp thuế thực hiện thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử tổ chức theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Công an.

2. Cơ quan thuế lưu ý với người nộp thuế như sau:

2.1. Để tránh bị từ chối cấp tài khoản định danh điện tử tổ chức do dữ liệu không khớp với dữ liệu tại cơ quan thuế thuế hoặc dữ liệu tại cơ quan đăng ký kinh doanh, người nộp thuế cần kê khai thông tin cấp tài khoản định danh điện tử tổ chức thống nhất với thông tin đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác (đối với trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh), thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế).

Các thông tin cần khớp đúng bao gồm: Tên, mã số thuế, ngày tháng năm thành lập, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức; Họ và tên, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu tổ chức.

Trường hợp người nộp thuế không có quyết định thành lập, người nộp thuế tự xác định ngày thành lập để cập nhật bổ sung vào thông tin đăng ký thuế.

Khi thực hiện thủ tục cấp định danh tổ chức, người nộp thuế phải kê khai ngày thành lập thống nhất với thông tin đăng ký thuế.

2.2. Người nộp thuế cần chủ động tra cứu thông tin trên website <https://tracuunnt.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với cơ quan thuế để kiểm tra thông tin đang lưu trữ tại cơ sở dữ liệu của ngành thuế./.



**Phụ lục 2**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**  
**Công văn số 2065/CT-NVT ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Cục Thuế**

Số liệu tổng hợp đến ngày 26/6/2025

STT	Tên CQT	T.Số lần đầu TT khác 01	T.Số lần đầu TT khác 01 chưa khớp	T.Số lần đầu TT khác 01	T.Số lần đầu TT00, 04 chưa khớp	T.Số lần đầu TT khác 01	T.Số lần đầu TT00, 04 chưa khớp	T.Số lần đầu TT khác 01	T.Số lần đầu TT khác 01 chưa khớp	T.Số H.Tại TT khác 01 chưa khớp	Tỷ lệ hiện tại TT khác 01 khớp BCA	T.Số hiện tại TT00, 04 chưa khớp BCA	T.Số hiện tại TT00, 04 khớp BCA	Tỷ lệ hiện tại TT 00,04 khớp BCA	
		BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	BCA	
	<b>Tổng cộng</b>	310,491	15,087	295,404	123,442	14,591	108,851	323,548	135,319	188,229	41,82%	140,793	123,702	17,091	87,86%
1	Chi cục Thuế khu vực I	52,847	933	51,469	15,666	898	14,327	40,393	14,938	25,455	36,98%	15,521	13,838	1,683	89,16%
	Thành Phố Hà Nội	50,887	694	49,906	14,446	665	13,498	37,954	13,403	24,551	35,31%	13,959	12,345	1,614	88,44%
	Hoà Bình	1,960	239	1,563	1,220	233	829	2,439	1,535	904	62,94%	1,562	1,493	69	95,58%
2	Chi cục Thuế khu vực II	76,828	1,466	74,766	14,160	1,392	12,194	75,859	9,329	66,530	12,30%	12,493	7,404	5,089	59,27%
	TP HCM	76,828	1,466	74,766	14,160	1,392	12,194	75,859	9,329	66,530	12,30%	12,493	7,404	5,089	59,27%
3	Chi cục Thuế khu vực III	15,809	439	15,078	4,004	409	3,309	16,772	4,825	11,947	28,77%	4,695	4,435	260	94,46%
	Thành phố Hải Phòng	12,480	270	12,047	2,365	257	1,947	12,878	2,693	10,185	20,91%	2,600	2,444	156	94,00%
	Quảng Ninh	3,329	169	3,031	1,639	152	1,362	3,894	2,132	1,762	54,75%	2,095	1,991	104	95,04%
4	Chi cục Thuế khu vực IV	8,594	666	7,531	4,815	643	3,778	10,625	4,744	5,881	44,65%	6,677	4,589	2,088	68,73%
	Hà Nam	1,205	149	894	694	138	395	1,114	930	184	83,48%	995	900	95	90,45%
	Hưng Yên	2,743	277	2,339	1,725	270	1,329	3,110	1,233	1,877	39,65%	1,930	1,191	739	61,71%
	Nam Định	3,204	120	3,015	1,413	117	1,228	4,046	1,481	2,565	36,60%	2,132	1,429	703	67,03%
	Ninh Bình	1,442	120	1,283	983	118	826	2,355	1,100	1,255	46,71%	1,620	1,069	551	65,99%
5	Chi cục Thuế khu vực V	8,233	380	7,546	4,221	366	3,549	9,947	5,737	4,210	57,68%	5,537	5,512	25	99,55%
	Bắc Ninh	2,362	103	2,193	1,123	101	957	2,943	1,631	1,312	55,42%	1,543	1,520	23	98,51%
	Hải Dương	3,023	141	2,765	1,314	133	1,064	3,384	1,887	1,497	55,76%	1,825	1,824	1	99,95%
	Thái Bình	2,848	136	2,588	1,784	132	1,528	3,620	2,219	1,401	61,30%	2,169	2,168	1	99,95%
6	Chi cục Thuế khu vực VI	7,012	951	5,409	4,672	904	3,118	9,461	6,279	3,182	66,37%	6,757	6,000	757	88,80%
	Bắc Giang	2,524	174	2,119	1,455	163	1,061	3,444	1,824	1,620	52,96%	2,258	1,777	481	78,70%
	Bắc Kạn	1,270	157	1,024	833	153	591	1,447	926	521	63,99%	956	880	76	92,05%
	Cao Bằng	1,668	290	1,256	1,047	279	648	2,244	1,586	658	70,68%	1,474	1,465	9	99,39%
	Lạng Sơn	1,550	330	1,010	1,337	309	818	2,326	1,943	383	83,53%	2,069	1,878	191	90,77%
7	Chi cục Thuế khu vực VII	5,812	502	4,854	3,811	497	2,858	7,359	4,933	2,426	67,03%	5,094	4,671	423	91,70%
	Hà Giang	2,049	129	1,779	1,258	128	989	2,716	1,846	870	67,97%	1,842	1,783	59	96,80%
	Thái Nguyên	2,429	120	2,142	1,467	118	1,182	2,976	1,773	1,203	59,58%	1,891	1,705	186	90,16%



	Tuyên Quang	1,334	253	933	1,086	251	687	1,667	1,314	353	78.82%	1,361	1,183	178	86.92%
<b>8</b>	<b>Chi cục Thuế khu vực VIII</b>	<b>10,252</b>	<b>935</b>	<b>8,789</b>	<b>6,366</b>	<b>905</b>	<b>4,937</b>	<b>10,943</b>	<b>7,599</b>	<b>3,344</b>	<b>69.44%</b>	<b>7,090</b>	<b>6,744</b>	<b>346</b>	<b>95.12%</b>
	Lào Cai	2,333	340	1,817	1,562	329	1,058	2,569	1,582	987	61.58%	1,730	1,525	205	88.15%
	Phủ Thọ	3,417	173	3,105	2,013	171	1,703	3,509	2,291	1,218	65.29%	2,290	2,215	75	96.72%
	Vĩnh Phúc	2,664	156	2,428	1,565	140	1,348	2,812	2,317	495	82.40%	1,691	1,687	4	99.76%
	Yên Bái	1,838	266	1,439	1,226	265	828	2,053	1,409	644	68.63%	1,379	1,317	62	95.50%
<b>9</b>	<b>Chi cục Thuế khu vực IX</b>	<b>4,957</b>	<b>538</b>	<b>3,882</b>	<b>3,481</b>	<b>525</b>	<b>2,422</b>	<b>6,825</b>	<b>4,177</b>	<b>2,648</b>	<b>61.20%</b>	<b>4,605</b>	<b>3,970</b>	<b>635</b>	<b>86.21%</b>
	Điện Biên	1,004	117	793	751	114	543	1,671	1,192	479	71.33%	1,355	1,151	204	84.94%
	Lai Châu	1,398	172	971	944	171	520	1,972	1,133	839	57.45%	1,046	1,041	5	99.52%
	Sơn La	2,555	249	2,118	1,786	240	1,359	3,182	1,852	1,330	58.20%	2,204	1,778	426	80.67%
<b>10</b>	<b>Chi cục Thuế khu vực X</b>	<b>10,811</b>	<b>820</b>	<b>9,388</b>	<b>6,075</b>	<b>785</b>	<b>4,694</b>	<b>14,674</b>	<b>9,627</b>	<b>5,047</b>	<b>65.61%</b>	<b>9,038</b>	<b>8,943</b>	<b>95</b>	<b>98.95%</b>
	Nghệ An	4,764	202	4,342	2,446	196	2,033	6,798	4,203	2,595	61.83%	3,918	3,898	20	99.49%
	Thanh Hoá	6,047	618	5,046	3,629	589	2,661	7,876	5,424	2,452	68.87%	5,120	5,045	75	98.54%
<b>11</b>	<b>Chi cục Thuế khu vực XI</b>	<b>6,849</b>	<b>447</b>	<b>6,068</b>	<b>4,395</b>	<b>433</b>	<b>3,628</b>	<b>8,352</b>	<b>5,726</b>	<b>2,626</b>	<b>68.56%</b>	<b>5,531</b>	<b>5,278</b>	<b>253</b>	<b>95.43%</b>
	Hà Tĩnh	3,054	92	2,893	1,613	87	1,457	4,071	2,338	1,733	57.43%	2,364	2,134	230	90.27%
	Quảng Bình	1,890	147	1,570	1,176	139	864	2,418	1,807	611	74.73%	1,620	1,618	2	99.88%
	Quảng Trị	1,905	208	1,605	1,606	207	1,307	1,863	1,581	282	84.86%	1,547	1,526	21	98.64%
<b>12</b>	<b>Chi cục Thuế khu vực XII</b>	<b>14,508</b>	<b>1,067</b>	<b>12,664</b>	<b>7,462</b>	<b>1,053</b>	<b>5,636</b>	<b>15,916</b>	<b>7,929</b>	<b>7,987</b>	<b>49.82%</b>	<b>8,361</b>	<b>7,487</b>	<b>874</b>	<b>89.55%</b>
	Thừa Thiên Huế	3,396	259	2,878	1,897	259	1,380	3,715	1,672	2,043	45.01%	2,030	1,636	394	80.59%
	Quảng Nam	3,186	450	2,440	2,336	446	1,594	3,610	2,706	904	74.96%	2,656	2,568	88	96.69%
	Quảng Ngãi	2,348	133	2,141	1,524	132	1,319	2,945	1,746	1,199	59.29%	2,007	1,692	315	84.30%
	TP Đà Nẵng	5,578	225	5,205	1,705	216	1,343	5,646	1,805	3,841	31.97%	1,668	1,591	77	95.38%
<b>13</b>	<b>Chi cục Thuế khu vực XIII</b>	<b>12,154</b>	<b>719</b>	<b>10,817</b>	<b>6,079</b>	<b>703</b>	<b>4,768</b>	<b>12,984</b>	<b>6,829</b>	<b>6,155</b>	<b>52.60%</b>	<b>6,630</b>	<b>6,476</b>	<b>154</b>	<b>97.68%</b>
	Bình Định	3,719	190	3,343	1,746	189	1,371	4,607	1,986	2,621	43.11%	1,921	1,908	13	99.32%
	Khánh Hòa	2,498	182	2,147	1,458	176	1,121	1,872	1,732	140	92.52%	1,620	1,619	1	99.94%
	Lâm Đồng	2,807	223	2,478	1,789	216	1,468	2,563	1,952	611	76.16%	1,831	1,829	2	99.89%
	Phủ Yên	3,130	124	2,849	1,086	122	808	3,942	1,159	2,783	29.40%	1,258	1,120	138	89.03%
<b>14</b>	<b>Chi cục Thuế khu vực XIV</b>	<b>12,112</b>	<b>692</b>	<b>10,660</b>	<b>6,185</b>	<b>676</b>	<b>4,750</b>	<b>16,299</b>	<b>7,782</b>	<b>8,517</b>	<b>47.75%</b>	<b>7,481</b>	<b>7,254</b>	<b>227</b>	<b>96.97%</b>
	Đắk Lắk	5,487	221	4,980	2,253	215	1,753	7,041	2,608	4,433	37.04%	2,648	2,497	151	94.30%
	Đắk Nông	1,810	107	1,589	1,064	105	845	1,995	1,357	638	68.02%	1,258	1,241	17	98.65%
	Gia Lai	3,262	234	2,825	1,975	229	1,543	5,868	2,607	3,261	44.43%	2,392	2,354	38	98.41%
	Kon Tum	1,553	130	1,266	893	127	609	1,395	1,210	185	86.74%	1,183	1,162	21	98.22%
<b>15</b>	<b>Chi cục Thuế khu vực XV</b>	<b>16,884</b>	<b>760</b>	<b>15,177</b>	<b>6,568</b>	<b>715</b>	<b>4,911</b>	<b>19,108</b>	<b>5,985</b>	<b>13,123</b>	<b>31.32%</b>	<b>7,684</b>	<b>5,707</b>	<b>1,977</b>	<b>74.27%</b>
	Bà Rịa - Vũng Tàu	3,803	334	3,219	1,315	303	764	4,227	1,375	2,852	32.53%	1,486	1,264	222	85.06%
	Bình Thuận	3,417	96	3,156	1,358	90	1,105	4,628	1,199	3,429	25.91%	2,020	1,153	867	57.08%
	Đồng Nai	8,350	213	7,794	2,866	207	2,316	8,855	2,481	6,374	28.02%	3,103	2,430	673	78.31%
	Ninh Thuận	1,314	117	1,008	1,029	115	726	1,398	930	468	66.52%	1,075	860	215	80.00%

16	Chi cục Thuế khu vực XVI	10,759	507	9,958	5,013	485	4,239	11,652	5,156	6,496	44,25%	5,682	4,602	1,080	80,99%
	Bình Dương	5,707	218	5,388	2,242	202	1,942	5,934	2,339	3,595	39,42%	2,370	1,900	470	80,17%
	Bình Phước	2,706	203	2,435	1,581	198	1,315	2,859	1,292	1,567	45,19%	1,671	1,214	457	72,65%
	Tây Ninh	2,346	86	2,135	1,190	85	982	2,859	1,525	1,334	53,34%	1,641	1,488	153	90,68%
17	Chi cục Thuế khu vực XVII	8,927	728	7,875	5,210	693	4,195	7,450	5,992	1,458	80,43%	5,486	5,371	115	97,90%
	Long An	4,137	182	3,873	2,017	159	1,777	3,035	2,394	641	78,88%	2,159	2,070	89	95,88%
	Tiền Giang	2,790	344	2,301	2,001	333	1,523	3,051	2,248	803	73,68%	2,189	2,170	19	99,13%
	Vĩnh Long	2,000	202	1,701	1,192	201	895	1,364	1,350	14	98,97%	1,138	1,131	7	99,38%
18	Chi cục Thuế KV XVIII	6,769	890	5,196	4,198	886	2,630	7,719	6,142	1,577	79,57%	4,934	4,771	163	96,70%
	Bến Tre	3,042	259	2,739	1,648	257	1,347	3,608	3,268	340	90,58%	2,067	2,057	10	99,52%
	Sóc Trăng	1,927	126	1,629	1,098	124	802	2,303	1,458	845	63,31%	1,485	1,376	109	92,66%
	Trà Vinh	1,800	505	828	1,452	505	481	1,808	1,416	392	78,32%	1,382	1,338	44	96,82%
19	Chi cục Thuế khu vực XIX	12,712	1,126	10,692	6,821	1,111	4,818	12,626	7,172	5,454	56,80%	6,665	6,478	187	97,19%
	Thành Phố Cần Thơ	5,303	158	5,039	1,963	152	1,705	5,437	1,911	3,526	35,15%	1,973	1,840	133	93,26%
	An Giang	3,123	385	2,479	2,144	383	1,504	2,773	1,941	832	70,00%	1,910	1,871	39	97,96%
	Đồng Tháp	2,594	225	2,167	1,783	222	1,359	2,748	1,862	886	67,76%	1,813	1,798	15	99,17%
	Hậu Giang	1,692	358	1,007	931	354	250	1,668	1,458	210	87,41%	969	969	-	100,00%
20	Chi cục Thuế khu vực XX	7,557	491	6,476	4,136	482	3,068	8,467	4,321	4,146	51,03%	4,715	4,075	640	86,43%
	Bạc Liêu	1,574	159	1,167	1,059	158	654	1,695	1,042	653	61,47%	1,093	985	108	90,12%
	Cà Mau	2,490	158	2,126	1,301	156	941	2,825	1,342	1,483	47,50%	1,325	1,253	72	94,57%
	Kiên Giang	3,493	174	3,183	1,776	168	1,473	3,947	1,937	2,010	49,08%	2,297	1,837	460	79,97%
21	CCT Doanh nghiệp lớn	105	30	70	104	30	69	117	97	20	82,91%	117	97	20	82,91%

